

BÁO CÁO TUẦN 14

07/04/2025 – 11/04/2025

Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đề xuất ngày 02/04/2025

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đề xuất ngày 02/04/2025*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *Bán tháo trên diện rộng, VN-Index mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bất động sản -5.55%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	04/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5074.08	-6.0%	-9.1%	-13.2%	-1.4%
EU (EURO STOXX 50)	4878.31	-4.6%	-8.5%	-11.1%	-3.8%
Trung Quốc (SHCOMP)	3342.008	0.0%	-0.3%	0.0%	8.9%
Nhật Bản (NIKKEI)	33780.58	-2.8%	-9.0%	-9.7%	-15.1%
Hàn Quốc (KOSPI)	2465.42	-0.9%	-3.6%	-3.6%	-10.1%
Singapore (STI)	3825.86	-3.0%	-3.7%	-1.9%	18.3%
Thái Lan (SET)	1125.21	-3.2%	-4.3%	-6.8%	-18.1%
Phillipines (PCOMP)	6084.19	-1.0%	-1.0%	-0.6%	-10.9%
Malaysia (KLCI)	1504.14	-1.0%	-0.6%	-3.9%	-3.2%
Indonesia (JCI)	6510.62	0.0%	0.0%	-0.3%	-10.3%
Việt Nam (VNI)	1210.67	-1.6%	-8.1%	-7.2%	-4.5%
Việt Nam (HNX)	216.97	-1.8%	-8.9%	-7.8%	-10.5%
Việt Nam (UPCOM)	91.13	0.6%	-7.6%	-7.7%	0.1%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường tài chính lao dốc sau cú sốc thuế quan từ TTg Trump

Thị trường tài chính rơi vào tình trạng hỗn loạn khi TTg Trump công bố kế hoạch áp thuế toàn diện. TTCK Hoa Kỳ giảm bình quân 3.5%, chủ yếu trong phiên 3/4. Các công ty đa quốc gia sản xuất tiêu dùng như Nike, và các nhà nhập khẩu như Five Below, Gap dẫn đầu đà giảm từ 7-12%. Cú sốc này cũng lan rộng trên TT châu Âu và Châu Á. USD Index giảm trong khi lợi tức TP Hoa Kỳ giảm dưới 4% và là mức thấp kể từ tháng 10/2024.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân -3.5%, EU600 -4.2%, Nikkei 225 -8.7%; CSI 300 -1.8%.
- Chỉ số hàng hóa -1.1%, các mặt hàng giảm trên diện rộng năng lượng (dầu thô -6.4%, than -2.6%), kim loại quý (Vàng giữ giá trong khi Bạc -8.1%), các kim loại (quặng sắt -5.2%; chì, nhôm, nikkei giảm trên 4%), nông sản (Cao su -7.2%, Bông -5% trong khi Coca +15.6%).
- Chỉ số DXY -1.5% trong khi lợi tức TP Hoa Kỳ 10y -0.3%.

Chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ đang là tâm điểm thị trường tuần qua. TTg Trump công bố thuế đối ứng, áp 10% hàng hóa nhập khẩu từ 5/4 và áp thuế cao với các quốc gia có thặng dư thương mại với Hoa Kỳ từ 9/4. Luận điểm đưa mức thuế gây tranh cãi khi Hoa Kỳ áp công thức đơn giản chia thâm hụt thương mại cho tổng giá trị nhập khẩu từ một quốc gia làm cơ sở áp thuế và có điều chỉnh theo hệ số co giãn giá nhập khẩu và mức độ truyền dẫn thuế quan sang hàng nhập khẩu, đồng nghĩa với việc Hoa Kỳ chỉ xem xét thâm hụt thương mại về hàng hóa mà bỏ qua thương mại dịch vụ. Điều này cho phép Hoa Kỳ linh hoạt nhằm đạt thỏa thuận trong khi đẩy các quốc gia khác vào tình trạng khó khăn đáp ứng yêu cầu giảm thuế và tăng mua hàng hóa Hoa Kỳ.

Doanh thu bán lẻ EU; Lãi suất và biên bản tiền tệ NHTW New Zealand; CPI và các khoản vay mới Trung Quốc; GDP Anh; CPI, PPI, đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ và Biên bản FOMC là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	04/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,038.2	-2.5%	-1.5%	4.1%	32.6%
Bạc	USD/ozt	29.6	-7.1%	-13.3%	-9.4%	9.9%
Thép HRC	USD/T.	932.0	2.1%	4.7%	0.6%	9.3%
Nhôm	USD/MT	2,346.0	-3.0%	-7.4%	-12.2%	-2.7%
Niken	USD/MT	14,557.2	-6.4%	-10.2%	-7.4%	-17.1%
Quặng sắt	CNY/MT	804.5	0.0%	1.8%	0.8%	-3.6%
Dầu Brent	USD/bbl.	65.6	-6.5%	-10.9%	-5.4%	-27.7%
Dầu WTI	USD/bbl.	62.0	-7.4%	-10.6%	-6.5%	-28.4%
Xăng	USD/gal.	205.5	-5.1%	-8.1%	-3.9%	-26.5%
Than đá	USD/MT	97.0	-2.4%	0.5%	-6.8%	-24.3%
Đậu tương	USD/bu.	977.0	-3.4%	-4.5%	-2.1%	-17.2%
Cao su	JPY/kg	320.7	-3.1%	-7.3%	-9.1%	-4.7%
Đường	USD/MT	538.3	-1.0%	0.5%	3.1%	-17.3%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

VN-Index đột ngột giảm mạnh trước thông tin thuế quan gây sốc

VN-Index giảm mạnh 8%, hoạt động bắt đáy trong 2 phiên bán báo cáo cuối tuần giúp thanh khoản tăng 57% so tuần trước. Thông tin tiêu cực từ thuế quan, khối ngoại bán mạnh và tâm lý hoảng loạn khiến thị trường có phiên giảm điểm mạnh cùng nhiều cổ phiếu giảm sàn trong phiên 3/4. Hoạt động bắt đáy ở vùng giá thấp, và khoảng thời gian nghỉ ngơi cần thiết của kỳ nghỉ Lễ Kỳ vọng giúp thị trường sớm cân bằng lại.

- 89% số cổ phiếu Hose giảm điểm. VIC và GEX cổ phiếu lớn hiếm hoi tăng giá trong bối cảnh các dòng cổ phiếu giảm sâu. Đà báo tháo đồng loạt trên diện rộng không kể ngành hoặc cổ phiếu riêng lẻ.
- 18/18 ngành tăng điểm, trong đó Hóa chất, bán lẻ, truyền thông giảm trên 10%; ô tô phụ tùng và bất động sản giảm dưới 5%. Hoạt động bắt đáy mạnh chỉ có truyền thông, công nghệ thông tin và y tế có thanh khoản giảm.
- Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng lên mức 340 triệu USD từ mức 82 triệu USD của tuần trước.

Hoa Kỳ công bố áp thuế đối ứng 46% lên hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam ghi nhận Hải quan Hoa Kỳ là 141 tỷ năm 2024, 138 tỷ trong diện chịu thuế sau khi trừ đi các hàng hóa miễn thuế. Ngành điện, thiết bị điện; Máy và thiết bị cơ khí; Đồ nội thất; Quần áo và giày dép ảnh hưởng lớn nhất theo quy mô. Mức thuế đối ứng được công bố là mức trần và các quốc gia có thể đàm phán tụt giảm mức thuế cao và phương pháp tính gây bất ngờ và nằm ngoài dự báo (Tham khảo báo cáo Chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ đến Việt Nam). Đoàn Phó Thủ tướng sẽ thăm Hoa Kỳ 6-14/4 sẽ mở ra kênh đối thoại và hiểu biết giữa 2 quốc gia sau khi Bộ trưởng công thương đã gửi công hàm đề nghị Hoa Kỳ tạm hoãn quyết định áp thuế.

Thuế quan mới đang tạo ra rủi ro cho nền kinh tế và TTCK. Quá trình đàm phán thuế quan cần thời gian, điều này nhắc nhở NĐT cần chú ý hơn đến quản trị rủi ro, hạn chế margin trong quá trình thị trường xác lập lại vùng đáy.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đề xuất ngày 02/04/2025

Ngày 02/04/2025 theo giờ Mỹ, Tổng thống Donald Trump đã công bố áp thuế 10% lên tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ từ ngày 05/04/2025; đến ngày 09/04/2025 tiếp tục áp thuế đối ứng lên một số quốc gia, trong đó Việt Nam dự kiến chịu mức thuế 46%.

Với mục đích mang đến cho quý nhà đầu tư cái nhìn toàn diện về tác động của chính sách thương mại Mỹ đến Việt Nam, BSC Research đã thực hiện báo cáo **"Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đề xuất ngày 02/04/2025"** (Link báo cáo tại trang 5). Các nội dung chính của báo cáo bao gồm:

- Các thông tin về thuế quan được chính quyền Mỹ công bố và cách tính thuế đối ứng của Mỹ;
- Hiện trạng thương mại song phương Mỹ - Việt Nam;
- Đánh giá tác động của thuế đối ứng lên Việt Nam;
- Kích bản với nhà đầu tư (về thị trường chứng khoán, ngành doanh nghiệp).

Dưới đây là tóm tắt ngắn gọn một số thông tin trong báo cáo:

1. Thông tin về thuế quan áp lên hàng hóa nhập khẩu đến Mỹ

Bảng 01. Các mức thuế hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam dự kiến phải chịu

Nội dung	Hiệu lực
10% với mọi hàng nhập khẩu	05/04/2025
Thuế đối ứng dự kiến 46%	09/04/2025
25% thuế lên xe hơi	03/04/2025
Thuế phụ tùng xe hơi	03/05/2025

Nguồn: BSC Research tổng hợp

Bảng 02. Mức thuế đối ứng dự kiến áp lên các quốc gia từ ngày 09/04/2025

Quốc gia	Thuế đối ứng	Mức thuế Mỹ tuyên bố áp	Quốc gia	Thuế đối ứng	Mức thuế Mỹ tuyên bố áp
Cambodia	97%	49%	Nicaragua	36%	18%
Laos	95%	48%	Israel	33%	17%
Madagascar	93%	47%	Philippines	34%	17%
Vietnam	90%	46%	Norway	30%	15%
Sri Lanka	88%	44%	United Kingdom	10%	10%
Myanmar (Burma)	88%	44%	Brazil	10%	10%
Bangladesh	74%	37%	Singapore	10%	10%
Serbia	74%	37%	Chile	10%	10%
Botswana	74%	37%	Australia	10%	10%
Thailand	72%	36%	Turkey	10%	10%
China	67%	34%	Colombia	10%	10%
Taiwan	64%	32%	Peru	10%	10%
Indonesia	64%	32%	Costa Rica	17%	10%
Switzerland	61%	31%	Dominican Republic	10%	10%
South Africa	60%	30%	United Arab Emirates	10%	10%
Pakistan	58%	29%	New Zealand	20%	10%
Tunisia	55%	28%	Argentina	10%	10%
Kazakhstan	54%	27%	Ecuador	12%	10%
India	52%	26%	Guatemala	10%	10%
South Korea	50%	25%	Honduras	10%	10%
Japan	46%	24%	Egypt	10%	10%
Malaysia	47%	24%	Saudi Arabia	10%	10%
Coote d'Ivoire	41%	21%	El Salvador	10%	10%
EU	39%	20%	Trinidad and Tobago	12%	10%
Jordan	40%	20%	Morocco	10%	10%

Nguồn: BSC Research tổng hợp

CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đề xuất ngày 02/04/2025

2. Quan điểm tổng quan của BSC Research

- Tác động đến kinh tế vĩ mô:

- + Thuế 46% là mức có thể đàm phán, và Việt Nam đang tích cực tìm kiếm giải pháp, và mức thuế khi áp dụng nhiều khả năng sẽ thấp hơn mức công bố hiện tại (kịch bản xấu nhất)
- + Trong trường hợp áp dụng, thì thuế đối ứng nhìn chung có tác động đến FDI, các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ, và gián tiếp tới các ngành phụ trợ như KCN, logistic... và có tác động tới tỷ giá, tăng trưởng GDP và dòng vốn FDI và FII

- Tác động đến TTCK:

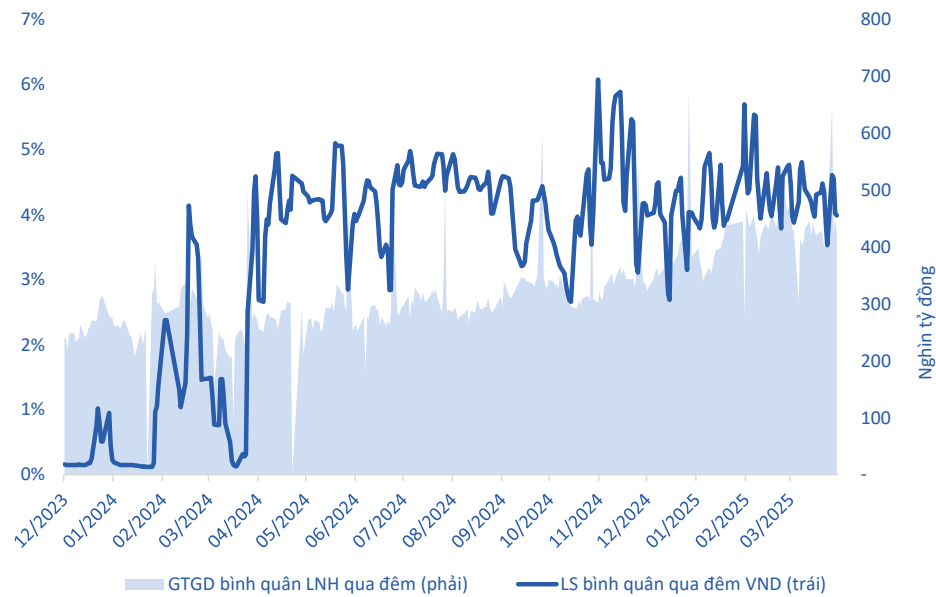
- + TTCK các quốc gia bị áp thuế trước (Canada, Mexico) thường ổn định lại sau 1 tháng áp thuế;
- + TTCK Việt Nam cũng thường ổn định và phục hồi trong khoảng 1 tuần đến 1 tháng từ các đợt giảm điểm lớn (2018-2024);
- + Chỉ có khoảng 5.5% vốn hóa HOSE là các Doanh nghiệp có xuất khẩu sang Mỹ;
- + Tỷ trọng xuất khẩu cũng như mức áp thuế cũng đang khác nhau, nên không thể đánh đồng tác động;
- + Nhà đầu tư nên thận trọng, cân đối lại tỷ lệ đòn bẩy, và tập trung vào các doanh nghiệp ít chịu tác động của chính sách thuế quan.

* Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo đặc biệt "*Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đề xuất ngày 02/04/2025*" : [Link](#)
- Danh sách các mặt hàng được Mỹ miễn thuế trong đợt đề xuất thuế ngày 02/04/2025 (Sec. 3.(b)): [Link](#)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 5	90,613.1	124,923.5	34,310.5	138,040.8
Tuần 6	140,738.2	102,633.6	(38,104.7)	99,936.2
Tuần 7	90,813.7	56,658.4	(34,155.3)	65,780.9
Tuần 8	93,479.5	90,370.0	(3,109.5)	62,671.4
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3
Tuần 12	52,296.4	53,094.9	798.5	81,647.7
Tuần 13	49,964.1	64,201.7	14,237.6	95,885.3

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.30%	4.49%	4.29%	5.29%
So với tuần trước	+0.18%	+0.06%	-0.05%	-0.22%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	486,202.5	10,598.8	2,427.5	2,506.8
So với tuần trước	+16.22%	-77.10%	-16.92%	-30.49%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 03/04/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 13, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 64,201.7 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 14,237.6 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định trong vùng 4.0% - 4.5%.

PTKT: Bán tháo trên diện rộng, VN-Index mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng

Đồ thị ngày: Thất bại kiểm tra SMA20 trong phiên 2/4, VN-Index bắt đầu có phiên giảm mạnh xuyên qua các ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn và kênh giá trung hạn. Chỉ số có phiên giảm mạnh tạo gap giảm giá trước sức ép bán tháo từ thông tin thuế quan bất lợi. Dù vậy, thanh khoản tăng mạnh từ hoạt động bắt đáy, đặc biệt phiên giao dịch 4/4 đã thu hẹp đáng kể mức giảm trong phiên. Sau 2 phiên giảm mạnh, Các chỉ báo kỹ thuật đã giảm về vùng quá bán, ủng hộ cho hoạt động bắt đáy ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 52 xuống 20 điểm.
- MACD giảm dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 57% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA 20, SMA 50, 100, 200. Cấu trúc nền tuần tương đồng với cây nến tuần 15/4/2024.

Kết luận: Thông tin thuế quan phá vỡ thế giằng của VN-Index nhưng theo chiều hướng không ngờ, giảm mạnh lấy toàn bộ thành quả của thị trường từ tháng 11/2024 đến nay. Với việc giảm dưới các ngưỡng hỗ trợ trung hạn, VN-Index đang trong quá trình dò đáy ngắn hạn. Điểm tích cực là thanh khoản bắt đáy tích cực, chỉ số bật tăng sau khi giảm dưới Fibonacci 50% của chu kỳ trung hạn và tiến sát về dưới kênh giá đi ngang trung hạn kể từ tháng 3/2024. Tuần sau, Thị trường có khoảng thời gian nghỉ ngơi và thông tin để đánh giá về thuế quan. VN-Index sẽ cần một nhịp hồi lấp khoảng trống giá dưới 1,230 điểm để mở ra cơ hội hồi phục nhanh chữ V về lại trên 1,300 điểm nếu có thông tin tích cực sau kỳ nghỉ Lễ.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
VIC	0.52	0.27
VCF	5.53	0.09
GEE	1.58	0.08
GEX	1.07	0.05
SBT	1.01	0.03
TDM	1.89	0.03
HHS	1.94	0.02
YBM	35.61	0.02
S4A	3.33	0.01
CRC	9.16	0.01
Tổng		0.61

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
VCB	-7.41	-9.61
GVR	-20.55	-6.85
BID	-7.93	-5.21
GAS	-12.13	-4.54
HPG	-9.39	-3.91
FPT	-8.87	-3.88
MSN	-15.33	-3.62
VPB	-9.35	-3.42
CTG	-6.41	-3.41
TCB	-6.72	-3.13
Tổng		-47.57

Khối ngoại mua ròng

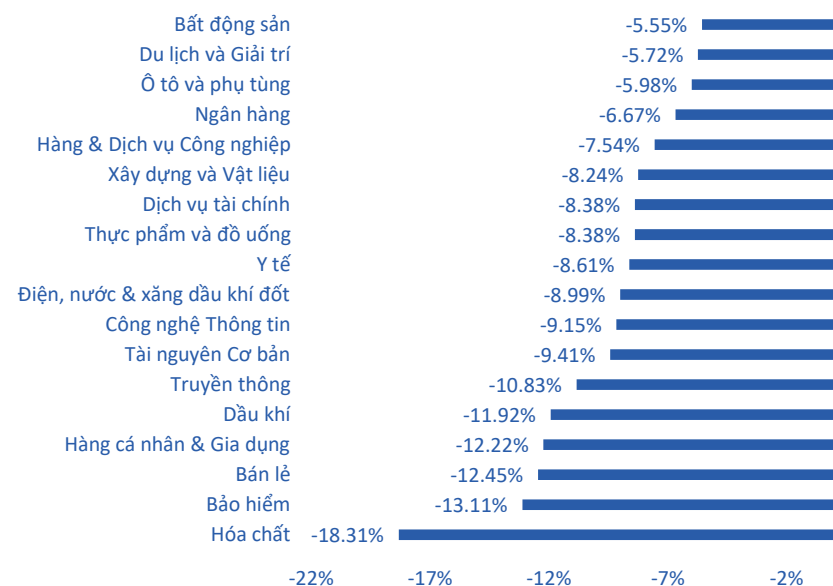
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
GEX	503.38
VRE	257.64
VIX	163.22
VHM	71.26
SHB	68.61
HVN	67.81
APG	26.90
VCG	20.37
BAF	18.13
BMP	16.17
Tổng	1,213.49

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
FPT	-1159.46
MBB	-1142.09
SSI	-828.18
TPB	-749.30
VCB	-702.37
ACB	-597.01
VNM	-577.14
STB	-414.56
TCB	-378.64
MWG	-285.53
Tổng	-6834.28

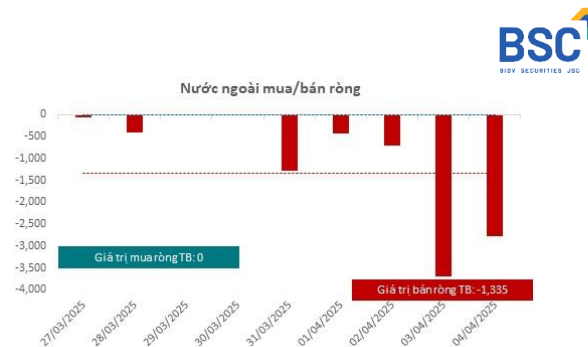
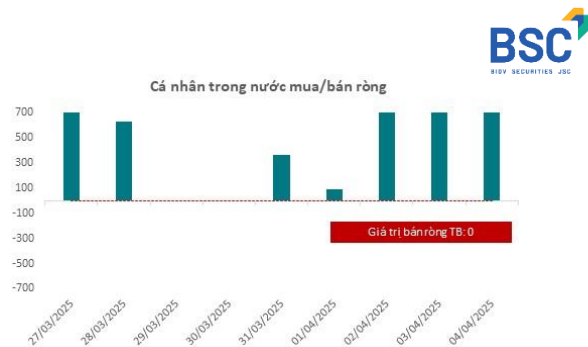
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Bất động sản	-0.67%	-5.55%	7.95%
Du lịch và Giải trí	-0.43%	-5.72%	-5.59%
Ô tô và phụ tùng	-1.61%	-5.98%	-4.63%
Ngân hàng	-0.23%	-6.67%	-6.54%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.23%	-7.54%	-8.22%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NGT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
FUEVFNVD	17,072,500	501.41	KDH	3,238,500	(100.53)	GEX	20,060,616	503.38	FPT	10,386,676	(1,159.46)	ACB	57,385,111	1,341.80	GEX	24,605,633	(609.55)
E1VFN30	15,810,600	366.09	VNM	1,441,953	(82.13)	VRE	12,912,534	257.64	MBB	51,006,823	(1,142.09)	MBB	40,778,269	915.42	VRE	15,944,155	(316.36)
MWG	4,005,753	208.91	CTG	1,307,708	(58.90)	VIX	12,907,338	163.22	SSI	33,619,824	(828.18)	FPT	7,676,910	869.89	VHM	4,620,229	(243.56)
TCB	7,048,199	175.84	SSI	1,791,871	(40.03)	VHM	1,184,407	71.26	TPB	56,059,863	(749.30)	SSI	35,419,490	863.44	VIX	12,179,702	(154.48)
MBB	8,260,633	172.16	PNJ	458,449	(37.51)	SHB	6,990,224	68.61	VCB	11,817,542	(702.37)	VCB	12,391,628	735.08	SHB	13,956,818	(148.00)
FPT	1,335,253	138.90	CTR	369,800	(35.74)	HAVN	2,382,205	67.81	ACB	25,707,902	(597.01)	VNM	12,505,204	732.82	VIC	2,412,095	(136.81)
GEX	5,660,817	135.28	STB	738,933	(31.86)	APG	2,778,100	26.90	VNM	9,827,151	(577.14)	TPB	52,771,403	707.06	NAB	6,301,590	(105.79)
EIB	5,815,485	105.64	HAH	567,900	(28.84)	VCG	1,056,210	20.37	STB	11,078,929	(414.56)	STB	14,596,835	553.25	LPB	3,256,817	(96.10)
SHB	8,116,192	93.13	HPG	458,228	(24.01)	BAF	603,100	18.13	TCB	15,013,010	(378.64)	PNJ	3,727,800	278.93	HVN	2,476,005	(70.32)
PLX	2,087,746	77.74	BMP	152,184	(18.38)	BMP	140,036	16.17	MWG	5,019,418	(285.53)	MWG	4,486,575	253.64	REE	1,006,418	(68.91)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	52.8	-3.5%	1.4	77,166	1524	2,544	20.8		45.8%	
KBC	Bất động sản	25.6	-6.9%	1.74	19,612	36	498	51.4		19.1%	
KDH	Bất động sản	28.0	-5.9%	1.18	28,312	273	863	32.5		35.7%	
PDR	Bất động sản	17.4	-4.4%	1.82	15,149	246	643	27.0	23,600	8.2%	Link
VHM	Bất động sản	50.3	2.0%	0.98	206,603	1057	7349	6.8	58,200	12.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	113.0	-0.4%	1.06	166,231	2358	5371	21.0	163,000	42.3%	Link
BSR	Dầu khí	16.8	-6.9%	0.00	51,933	155	204	82.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.3	-5.7%	1.29	12,571	309	2238	11.8	40,300	16.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.4	-4.5%	1.77	19,691	706	1571	17.4		43.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.8	-3.5%	1.54	46,594	1898	1536	15.5		37.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	1.9%	1.55	26,570	613	1537	24.1		29.7%	
DCM	Hóa chất	28.6	-7.0%	1.77	15,141	172	2682	10.7	41,100	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	84.5	-6.5%	1.63	32,091	580	7864	10.7	111,400	15.1%	Link
ACB	Ngân hàng	23.8	-1.5%	0.76	106,306	1658	3759	6.3		30.0%	
BID	Ngân hàng	36.0	0.0%	0.94	252,769	237	3638	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.7	-0.9%	0.94	207,819	659	4720	8.2		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.8	-0.5%	0.86	72,697	824	3667	5.7		17.2%	
MBB	Ngân hàng	22.5	-0.9%	0.92	136,996	1630	3729	6.0	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.0	-2.7%	1.23	28,470	346	2123	5.2	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	37.4	2.3%	1.03	70,507	1428	5351	7.0		22.0%	
TCB	Ngân hàng	25.7	-1.0%	1.09	181,567	1556	3054	8.4	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	12.8	-4.1%	1.04	33,685	578	2298	5.6	-	25.6%	Link
VCB	Ngân hàng	60.0	-0.5%	0.54	501,341	694	4049	14.8		22.7%	
VIB	Ngân hàng	18.7	0.5%	0.89	55,710	405	2424	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.5	-2.2%	0.93	138,447	792	1989	8.8	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	24.6	-3.0%	1.19	157,348	1768	1879	13.1	37,500	21.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.3	-5.9%	1.50	9,470	244	935	16.3	22,700	7.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.4	-7.0%	1.93	8,484	422	2712	9.4	31,000	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	58.0	-5.5%	1.46	83,424	825	1345	43.1		25.0%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.5	3.5%	0.50	122,262	559	4494	13.0		49.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	33.2	-6.9%	2.0	7,276	144.3	2,042	16.3	18.70%	15.94%	Link
FRT	Bán lẻ	140.0	-0.4%	1.2	19,074	131.1	2,331	60.1	32.12%	18.09%	
BVH	Bảo hiểm	45.2	-6.9%	1.1	33,516	96.6	2,843	15.9	26.58%	9.60%	
DIG	Bất động sản	17.3	-6.8%	1.5	10,520	389.2	188	91.9	2.42%	1.48%	
DXG	Bất động sản	14.2	-4.7%	1.5	12,323	471.5	351	40.3	19.97%	2.58%	Link
HDC	Bất động sản	24.2	-6.9%	1.4	4,307	239.6	384	62.9	3.27%	3.14%	
HDG	Bất động sản	22.7	-7.0%	1.5	7,635	140.6	1,036	21.9	19.50%	5.80%	
IDC	Bất động sản	43.8	-9.9%	1.3	14,454	40.0	6,049	7.2	20.37%	37.70%	
NLG	Bất động sản	29.9	-6.9%	1.6	11,514	155.7	1,346	22.2	37.32%	5.43%	Link
SIP	Bất động sản	74.5	-7.0%	0.0	15,685	34.6	5,584	13.3	5.92%	29.47%	
SZC	Bất động sản	36.2	-6.9%	1.7	6,515	14.5	1,809	20.0	2.38%	12.48%	Link
TCH	Bất động sản	16.6	-2.9%	1.8	11,059	296.4	1,466	11.3	8.79%	10.79%	Link
VIC	Bất động sản	58.3	3.7%	0.9	222,919	826.0	3,069	19.0	9.20%	9.48%	
VRE	Bất động sản	18.8	0.3%	1.2	42,720	490.5	1,802	10.4	19.60%	10.27%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.3	-7.0%	1.1	7,036	61.3	1,478	22.5	36.07%	11.44%	
PLX	Dầu khí	35.7	-4.6%	1.0	45,360	153.8	2,274	15.7	17.40%	11.12%	Link
PVD	Dầu khí	19.2	-6.8%	1.5	10,673	188.0	1,255	15.3	8.14%	4.58%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	44.0	-6.4%	2.0	13,460	450.2	1,869	23.5	29.84%	14.62%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.0	-0.4%	1.8	15,465	240.8	1,583	17.1	6.91%	12.45%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.7	-6.1%	0.8	137,515	166.4	4,439	13.2	1.71%	16.73%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.4	-4.6%	1.0	26,697	303.2	475	24.0	3.64%	3.51%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.8	-0.5%	1.0	30,993	114.0	4,237	15.5	49.00%	11.01%	
VJC	Du lịch và Giải trí	86.3	-2.4%	0.6	46,741	284.1	2,632	32.8	12.79%	8.87%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.6	-1.3%	1.9	20,283	959.7	1,910	12.4	8.10%	12.38%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.8	-7.0%	1.2	20,484	65.5	4,613	10.6	41.13%	13.89%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.0	4.6%	1.4	6,755	252.9	4,411	11.8	11.81%	21.91%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.5	-6.7%	1.4	7,654	117.6	3,071	7.0	11.64%	15.05%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	116.3	-7.0%	0.0	14,163	65.4	3,146	37.0	6.63%	24.15%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	72.5	-5.6%	0.9	24,498	295.2	6,300	11.5	47.56%	20.06%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.1	-7.0%	1.03	3,264	11.7	2710	11.8	49.79%	12.96%	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18	-9.6%	1.2	2,207	13.1	2,568	7.0	16.77%	17.4%	
DPM	Hóa chất	31.7	-3.5%	1.5	12,405	118.0	1,400	22.7	8.33%	4.9%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	-6.9%	2.3	110,600	42.1	997	27.7	0.77%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	18.0	-2.4%	1.0	33,529	477.8	1,786	10.1	3.64%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.0	7.0%	0.7	98,431	293.0	3,254	10.1	0.78%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.3	1.6%	0.0	22,304	338.7	2,702	6.0	1.81%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	10.3	-2.8%	1.0	25,274	70.7	1,287	8.0	19.53%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.2	-6.7%	1.6	5,908	208.2	1,374	9.6	5.64%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.3	-6.8%	1.7	3,807	40.9	180	79.6	0.45%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.1	0.8%	0.8	9,136	257.7	1,542	19.5	3.90%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.4	-5.5%	1.2	55,599	166.7	3,376	12.8	59.39%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.5	-6.8%	1.4	12,233	8.2	5,463	10.0	24.45%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	114.7	1.5%	1.0	9,389	35.0	12,103	9.5	82.44%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.3	-6.9%	1.5	7,425	300.0	3,734	19.9	48.99%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.3	-7.0%	1.5	9,757	33.6	4,705	18.1	7.58%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.8	-1.5%	1.6	3,071	67.3	3,553	13.7	7.06%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.2	-1.8%	1.5	4,841	134.7	987	11.4	6.78%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.2	0.5%	1.5	7,582	86.6	1,307	16.2	15.53%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.7	2.7%	1.6	12,391	368.2	1,548	13.4	6.27%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.4	-6.9%	1.7	18,988	19.3	2,464	17.2	5.70%	13.7%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký